

NÂNG CAO HIỆU QUẢ HỌC TỪ VỰNG TIẾNG TRUNG CỦA SINH VIÊN CHUYÊN
NGÀNH SƯ PHẠM TIẾNG ANH TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY BẮC

Đặng Thị Xuân
Trường Đại học Tây Bắc

THÔNG TIN BÀI BÁO

Ngày nhận bài: 23/11/2023
Ngày nhận đăng: 02/05/2023
Email: dangthixuandhtb@utb.edu.vn

Từ khoá: nâng cao, từ vựng, hiệu quả, học, phương pháp, khó khăn, động cơ học tập.

TÓM TẮT

Việc học tập ngoại ngữ nói chung hay tiếng Trung nói riêng là một quá trình tích lũy lâu dài, yêu cầu người học phải có vốn từ vựng nhất định. Tuy nhiên đối với đa số sinh viên học tiếng Trung, đặc biệt là sinh viên không thuộc chuyên ngành tiếng Trung, thì việc học tiếng Trung nói chung và học từ vựng tiếng Trung nói riêng gặp không ít khó khăn. Với mục đích nâng cao hiệu quả học từ vựng tiếng trung, một nghiên cứu đã được tiến hành. Phương pháp nghiên cứu hỗn hợp được sử dụng nhằm tìm hiểu dữ liệu để đưa ra phương pháp thích hợp. Kết quả cho thấy rằng 45 trong 60 sinh viên chưa có phương pháp thích hợp để nâng cao vốn từ vựng. Từ những phương pháp chưa hiệu quả đó, một số kiến nghị đã được đưa ra với mục đích giúp sinh viên cải thiện vốn từ vựng tiếng Trung của mình.

1. Mở đầu

Từ vựng đóng vai trò quan trọng trong việc học tập và sử dụng tiếng Trung. Trong học tập và rèn luyện kỹ năng ngôn ngữ như nghe, nói, đọc và viết, từ vựng giúp người học hiểu được hầu hết các thông tin được truyền đạt qua các bài đọc, các bài nghe cũng như qua giao tiếp với người khác bằng tiếng Trung. Việc sử dụng thành thạo và lưu loát chủ yếu phụ thuộc vào việc tập luyện, yếu tố căn bản vẫn là các đơn vị nghĩa như từ, cụm từ và câu, mà yếu tố từ vựng là thành phần quan trọng trong các đơn vị nghĩa.

Qua phân tích sơ bộ một số câu trả lời của sinh viên cho các câu hỏi ở phần đọc hiểu và nghe chúng tôi nhận thấy rằng các câu trả lời sai thường rơi vào các câu hỏi nhằm kiểm tra về từ vựng. Tuy nhiên, cho đến nay chưa có bất kỳ số liệu điều tra chính thức nào về thực trạng học từ vựng nói riêng và học tiếng Trung nói chung của sinh viên trường đại học Tây Bắc.

Bài báo được thực hiện nhằm đánh giá thực trạng học từ vựng của sinh viên không chuyên tiếng Trung, nêu rõ những vấn đề và tìm ra bản chất của việc học từ vựng của sinh viên. Những thông tin, số liệu được thu thập trong phần khảo sát sẽ được phân tích và từ đó xây dựng phương pháp học từ vựng cho sinh viên. Bài báo nhằm giúp sinh viên phát huy tốt nhất khả năng học tập và vận dụng vốn từ vựng của riêng mình.

Bài báo này cung cấp và hỗ trợ giảng viên một số thông tin và phương pháp liên quan đến biên soạn giáo trình, bổ sung phương pháp giảng dạy. Hỗ trợ cho việc học tập của sinh viên trong quá trình học từ vựng tiếng Trung. Ngoài ra, nó còn là cơ sở dữ liệu để cho giáo viên và sinh viên tham khảo trong quá trình học tập và giảng dạy tiếng Trung Quốc tại Bộ môn Ngoại ngữ - trường Đại học Tây Bắc.

2. Cơ sở lý luận và thực tiễn

2.1. Cơ sở lý luận

2.1.1. Từ vựng là gì ?

Tập hợp các từ và đơn vị tương đương với từ trong ngôn ngữ được hiểu là từ vựng, là kho từ mà con người có sự quen thuộc, biết đến và tiếp xúc hằng ngày. Vốn từ vựng thường xuyên phát triển và là công cụ hữu dụng trong giao tiếp một cách trôi chảy và giúp con người thu nhận kiến thức thông qua sự am hiểu. Tuy nhiên, có nhiều cách để định nghĩa về từ vựng, việc tìm ra một khái niệm chính xác về từ vựng là một điều khó đối với các nhà ngôn ngữ học. Có ít nhất ba cách khác nhau để hiểu rõ về ý nghĩa của từ vựng mà các nhà nghiên cứu đúc kết nên. Thứ nhất, nó là sự tập hợp của các từ, các âm tiết và có sự kết hợp thành một từ hoàn chỉnh của ngôn ngữ. Và rõ ràng, các từ mới không ngừng được thêm vào kho từ vựng tiếng Anh để làm nó càng trở nên đầy đủ và dồi dào

hơn. Thứ hai, 10 những từ vựng được sử dụng trong từng ngữ cảnh và lĩnh vực cụ thể như từ vựng về lĩnh vực môi trường, kinh tế, ngôn ngữ, chính trị hay từ vựng tiếng lóng được dùng phổ biến trong đời sống con người,... Từ vựng chỉ đơn giản là những từ mà cá nhân đó biết hoặc thu thập trong việc họ tiếp nhận các từ đó. Nash và Snowling (2006) đưa ra một sự mô tả về từ vựng như là "kiến thức của từ và ý nghĩa của chúng" (Hansen, 2009, tr.6). Trong khi đó, Sheehan (2002) cho rằng từ vựng là "khả năng hiểu và sử dụng từ ngữ để tiếp thu và truyền đạt ý nghĩa". Theo Neuman và Dwyer (2009, tr.385), từ vựng được xem là "những từ mà chúng ta biết và sử dụng chúng để giao tiếp một cách hiệu quả: từ ngữ nói – từ vựng biểu cảm (expressive vocabulary) và từ ngữ nghe – từ vựng để tiếp thu (receptive vocabulary)". Jackson và Amvela (2004) cho thấy từ vựng là một động cơ và hệ thống được tích hợp bởi các cấu trúc từ vị bởi quan hệ ý nghĩa của nó.

2.1.2. Các kỹ thuật giảng dạy từ vựng

Phần này báo cáo về kết quả nghiên cứu nhằm mục đích điều tra các kỹ thuật được sử dụng bởi một giảng viên tiếng trung trong việc trình bày ý nghĩa và hình thức của từ vựng. Thông thường, có một số kỹ thuật liên quan đến việc dạy từ vựng. Tuy nhiên, có một vài điều mà hầu hết các giảng viên tiếng phải nhớ nếu họ muốn trình bày một từ vựng mới hoặc các mục từ vựng cho học sinh của họ. Điều đó có nghĩa là giảng viên tiếng Trung muốn học sinh nhớ từ vựng mới. Sau đó, nó cần phải được học, thực hành và sửa đổi để ngăn học sinh quên. Các kỹ thuật được giảng viên sử dụng phụ thuộc vào một số yếu tố, như nội dung, thời gian có sẵn và giá trị cho người học (Takaç, 2008). Điều này khiến giảng viên có một số lý do trong việc sử dụng một số kỹ thuật nhất định trong việc trình bày từ vựng. Trong khi trình bày một mục từ vựng theo kế hoạch, giảng viên thường kết hợp nhiều hơn một kỹ thuật, thay vì sử dụng một kỹ thuật duy nhất. Giảng viên, hơn nữa, được đề nghị sử dụng trình bày từ vựng theo kế hoạch càng nhiều càng tốt (Pinter, 2006). Dưới đây là một số kỹ thuật giảng dạy từ vựng như được nêu bởi Brewster, Ellis và Girard (1992).

2.2 Các yếu tố ảnh hưởng đến việc xây dựng môi trường học tập

2.2.1. Động lực của người học

Garden (1995) cho rằng thái độ học tập và động lực học tập quyết định mức độ tích cực chú tâm của người học vào học ngôn ngữ, độc

lực học tập có tác dụng quan trọng trong việc quyết định tính kiên trì và sự tinh thông trong việc học ngôn ngữ của người học.

2.2.2. Thái độ của người học

Thái độ của người học có thể ảnh hưởng đến việc học tập của họ ở tất cả các môn học, nhưng ảnh hưởng đến học ngoại ngữ lại vô cùng lớn, bởi ngôn ngữ và tình cảm có mối liên hệ chặt chẽ với nhau. Theo quan điểm của Allport: Thái độ là một loại trạng thái chuẩn bị của thần kinh và tâm lý, nó thông qua kinh nghiệm để tổ hợp.

2.2.3. Chất lượng trang thiết bị và cơ sở vật chất phục vụ trong giảng dạy và học tập

Không thể nào học giỏi ngoại ngữ chỉ bằng con đường lên lớp học với thời lượng mỗi tuần 3 hoặc thậm chí 5 tiết. Đó là kết luận được rút ra từ những nghiên cứu về quá trình học ngôn ngữ thứ hai (Lightbown, 2000; Littlewood, 2004).

2.2.4. Quan hệ giữa người dạy với người học và giữa người học với người học

Một trong những yếu tố tác động đến động lực học tập, thái độ và hứng thú của người học phải kể đến đó chính là quan hệ giữa người dạy và người học và giữa người học với nhau. Kabilan (2000) cho rằng: Giáo viên cần xây dựng mối quan hệ thân thiện và tôn trọng lẫn nhau với người học. Để có được mối quan hệ đó giáo viên cần hiểu được những sở trường, sở đoản, mục đích học tập, những khó khăn trong học tập của người học, đặc biệt phải hiểu được tính cách của người học.

2.2.5. Ảnh hưởng của nhân tố văn hóa đối với việc giảng dạy và học tiếng Trung Quốc

Lý Hiểu Kỳ cho rằng: Nhân tố văn hóa là quan niệm của một quốc gia do trải qua một thời gian dài lịch sử được tích tụ mà thành. Do Trung Quốc và Việt Nam có bối cảnh văn hóa và lịch sử không giống nhau, quan niệm và phương thức sống cũng khác nhau, vì vậy muốn hiểu và học tốt tiếng Trung Quốc, sinh viên cần nắm rõ văn hóa Trung Quốc, học tiếng không chỉ nắm ngữ âm, ngữ pháp, từ vựng mà còn cần phải biết và hiểu cách nhìn nhận sự vật, nhìn nhận thế giới của người Trung Quốc, thậm chí còn phải hiểu được cách người Trung Quốc dùng ngôn ngữ của mình để phản ánh tư tưởng,

hành vi, thói quen của xã hội như thế nào.

2.3. Các yếu tố tác động

Thông qua tổng hợp và phân tích các kết quả nghiên cứu của các nhà nghiên cứu trên thế giới, có thể thấy rằng môi trường ngôn ngữ vô cùng quan trọng trong việc học và giảng dạy ngoại ngữ trong đó có tiếng Trung Quốc. Các yếu tố ảnh hưởng đến việc xây dựng môi trường học tập chủ yếu gồm: Động lực của người học, Thái độ của người học, chất lượng trang thiết bị và cơ sở vật chất phục vụ trong giảng dạy và học tập, quan hệ giữa người dạy với người học và giữa người học với nhau, ảnh hưởng của nhân tố văn hóa đối với việc giảng dạy tiếng Trung Quốc.

2.4. Sơ lược các nghiên cứu có liên quan ở phạm vi trong và ngoài nước

Trong suốt hơn 50 năm qua, ngành khoa học về quá trình tiếp thu ngôn ngữ thứ hai (SLA) đã có rất nhiều nghiên cứu xoay quanh vấn đề học tập từ vựng của sinh viên học sinh trên phạm vi toàn cầu. Hầu hết các nghiên cứu được thực hiện trong các lĩnh vực cụ thể như sau: Phương pháp học từ vựng dựa vào tình huống, ngữ cảnh và học từ vựng không dựa vào tình huống và ngữ cảnh. Có nhiều quan điểm đối lập nhau cùng tồn tại giữa các chuyên gia ngôn ngữ liên quan đến hai phương thức học từ vựng này. Có rất nhiều bằng chứng mang tính thuyết phục cao chứng minh rằng học từ vựng dựa vào ngữ cảnh (từ các tài liệu thực tế) mang lại nhiều hiệu quả hơn là dựa vào danh từ vựng được liệt kê sẵn.

Oxford và Scarcella (1994) trong nghiên cứu của mình đã tìm ra là việc học tập từ vựng không dựa vào ngữ cảnh sẽ có thể giúp sinh viên ghi nhớ từ vựng để phục vụ cho các bài thi, kiểm tra, nhưng sinh viên sẽ quên các từ vựng đó một cách nhanh chóng ngay sau các bài thi hay kiểm tra đó.

Ngoài ra McCarthy (1990) phát biểu rằng nếu sinh viên học từ vựng qua một tình huống có ý nghĩa, nội dung rõ ràng thì sinh viên sẽ ghi nhớ và đồng hóa từ vựng đó trong một thời gian lâu hơn.

Nghiên cứu về phương pháp học từ vựng của sinh viên khá giỏi và sinh viên yếu kém.

Những nghiên cứu khác về phương pháp học từ vựng cũng đã tìm ra nhiều cách khác nhau mà sinh viên khá giỏi và sinh viên yếu kém sử dụng để tiếp thu từ vựng. Trong một nghiên cứu, Ahmed (1989) đã nhận thấy rằng các phương pháp học từ vựng của sinh viên khá giỏi không những nhiều hơn về số lượng mà

còn đa dạng hơn về thể loại so với sinh viên yếu kém. Nghiên cứu của Sannoui (1992, 1995) xác định được hai khuynh hướng tiếp cận việc học từ vựng ngoại ngữ khác nhau. Thứ nhất là những sinh viên định hình về cấu trúc được việc học từ vựng của mình thì sẽ độc lập tham gia vào các hoạt động học tập và luyện tập các từ vựng cần học. Còn những sinh viên không định hình việc học từ vựng của mình sẽ không độc lập được. Kết quả nghiên cứu cho thấy ở mọi cấp độ học tập, những sinh viên định hình được việc học của mình thành công hơn những sinh viên không hoặc không thể định hình được.

Thủ thuật học từ vựng nói chung là một phần nhỏ của các thủ thuật học tập trong quá trình tiếp nhận ngôn ngữ. Việc kêu gọi giúp đỡ sinh viên cải thiện phương pháp học tập của họ được thực hiện trên nhiều cơ sở khác nhau. Sokmen (1997) đề cao việc giúp người học tiếp nhận từ vựng theo cách riêng của mình, tuy nhiên cần phải lưu ý rằng sinh viên không thể học thuộc tất cả từ vựng họ cần trong quá trình học tập trên lớp. Tương tự Cunningsworth (1995) xem việc giúp sinh viên xây dựng thủ thuật học từ vựng riêng cho họ như là một phương pháp rất có hiệu quả. Brown và Payne (1994) xác định năm bước trong quá trình học tập từ vựng của một ngoại ngữ là (i) có nguồn đề tiếp cận với vốn từ vựng mới, (ii) có hình thức rõ ràng hơn cả về hình ảnh và âm của những từ đó, (iii) học nghĩa của từ, (iv) ghi nhớ dạng thức và nghĩa của từ, (v) sau đó là sử dụng từ. Nói tóm lại là tất cả những thủ thuật học từ vựng ở một chuẩn mực nào đó phải liên quan đến 5 bước nêu trên.

Tuy nhiên, hầu hết các nghiên cứu như Morgan và Bailey (1943); Wind và Davidson (1969), Gershman (1970), Tudor and Hafiz, 1989, Hulstijn, 1992 chưa tìm ra được việc có hay không việc học từ vựng trong các tình huống “yêu thích” có hiệu quả như thế nào so với những tình huống không gây sự hứng thú cho sinh viên. Các phương pháp học từ vựng không dựa vào ngữ cảnh được sử dụng nhiều nhất.

Dù các nghiên cứu trong lĩnh vực học từ vựng rất đa dạng với nhiều phát hiện mang tính thiết thực và rất có ích cho các nghiên cứu tiếp theo trong từng lĩnh vực tham khảo. Tuy nhiên hầu hết các nghiên cứu nêu trên chỉ dừng lại ở mức độ thăm dò, kiểm tra năng lực từ vựng và năng lực tiếng Trung chung của sinh viên. Vẫn chưa có sự tìm hiểu sâu và đánh giá các phương pháp học từ của sinh viên xem có hiệu quả hay chưa, vẫn chưa có những nghiên cứu thực nghiệm phương pháp học dựa trên được thiết kế

dựa trên kết quả điều tra khảo sát về quá trình và tính chất học từ vựng của sinh viên. Ngoài ra những nghiên cứu về tình hình học từ vựng của sinh viên của trường Đại Học Tây Bắc vẫn chưa được điều tra và làm rõ, nếu có thì chỉ dừng ở phạm vi nghiên cứu tình huống.

2.5. Một số phương pháp đề xuất

2.5.1 Chuyển đổi từ thành hình ảnh

Tiếng Trung là ngôn ngữ tượng hình, bởi vậy điều này lại càng bắt buộc chúng ta càng phải nâng cao trí tưởng tượng. Bạn có thể nghĩ ra một hình ảnh nào đó liên quan đến từ vựng tiếng Trung đấy. Hình ảnh đó không bắt buộc phải đúng với tất cả. Chỉ cần phù hợp với bạn là đủ.

2.5.2 Sử dụng các mẫu giấy để học từ

Có thể dùng các mẫu giấy nhiều màu để ghi chú tất cả các từ rồi dán ở bất cứ đâu trong nhà để gợi ý, từ những vật dùng thường dùng như: tủ lạnh, tivi, ... hay những nơi mà mình hay đi qua như: bàn học, bàn làm việc, phòng ngủ, ... Rồi từ từ học những từ khó hơn, ít dùng hơn vì biết đâu ở đâu đó lại có dịp lấy ra dùng... Vừa dễ làm lại vừa bắt mắt, chỉ cần chịu khó một chút là bạn đã có thể nâng cao vốn từ vựng tiếng Trung của mình.

2.5.3. Thường xuyên lặp đi lặp lại

Có rất nhiều nghiên cứu chỉ ra rằng: chúng ta quên 80% thông tin học được chỉ trong vài ngày. Do đó việc lặp đi lặp lại nội dung thông tin đó là điều rất cần thiết. Việc chép đi chép lại 1 từ vựng nhiều lần sẽ giúp bạn quen tay, viết từ nhanh hơn, ghi nhớ mặt chữ tiếng Trung lâu hơn. Để phương pháp này phát huy tốt hơn, tốt nhất bạn nên vừa chép vừa đọc, như vậy thời gian nhớ sẽ duy trì lâu hơn. Phương pháp học từ vựng này rất phù hợp với việc ôn luyện cấp tốc, người học cần tiếp thu 1 lượng từ vựng tiếng Trung lớn trong thời gian ngắn.

3. Phương pháp nghiên cứu

3.1. Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp nghiên cứu hỗn hợp được sử dụng trong nghiên cứu này. Phương pháp định tính và định lượng được dùng với mục đích trên. Thu thập số liệu trong phần câu hỏi phỏng vấn được kết hợp với việc phân tích mã hóa câu trả lời của phần phỏng vấn sẽ tạo ra bức tranh về thực trạng học từ vựng của sinh viên không chuyên. Từ đó đưa ra phương pháp học tập hợp lý hơn nhằm nâng cao hiệu quả học từ vựng nói riêng và việc học tiếng Trung nói chung.

3.2. Câu hỏi nghiên cứu

Nhằm điều tra thực trạng học từ vựng tiếng Trung của sinh viên không chuyên ngữ và tìm ra những phương pháp học từ vựng đề xuất, đề tài được thực hiện để tìm ra câu trả lời cho câu hỏi nghiên cứu sau:

Những biện pháp nào có thể giúp sinh viên chuyên ngành Sư phạm Tiếng Anh Trường Đại học Tây Bắc nâng cao hiệu quả học từ vựng tiếng Trung?

3.3. Đối tượng nghiên cứu

Đề tài nghiên cứu là nhằm điều tra thực trạng và tìm ra phương pháp nâng cao khả năng học từ vựng của sinh viên không chuyên tiếng Trung tại trường Đại học Tây Bắc, cho nên đối tượng tham gia nghiên cứu là sinh viên chuyên ngành Tiếng Anh học tiếng Trung là ngoại ngữ 2. Các sinh viên chuyên ngành tiếng Anh cần hoàn thành hai học phần Tiếng Trung 1 và Tiếng Trung 2 với 10 tín chỉ (5 tín chỉ/học phần). 60 sinh viên ngành Sư phạm Tiếng Anh được lựa chọn tham gia vào nghiên cứu. Nhóm sinh viên này là nhóm đang trong quá trình học học phần tiếng Trung kể trên. Từ việc đang trong quá trình học sinh viên có thể nắm được những khó khăn gặp phải trong quá trình học tiếng Trung nói chung và từ vựng nói riêng. Điều này có ích cho nghiên cứu vì có thể thấy rõ thực trạng và đưa ra cách khắc phục phù hợp nhằm nâng cao chất lượng dạy và học tiếng Trung.

3.4. Công cụ nghiên cứu

3.4.1. Câu hỏi khảo sát

Căn cứ vào câu hỏi nghiên cứu cũng như cơ sở lý thuyết về việc học từ vựng nói chung và học từ vựng tiếng Trung nói riêng và căn cứ vào kết quả của những nghiên cứu khác trong cùng lĩnh vực nghiên cứu, bảng hỏi gồm có 15 câu hỏi đóng và câu hỏi bán đóng bán mở. Các câu hỏi xoay quanh ba vấn đề chính là đánh giá của sinh viên về tầm quan trọng của từ vựng trong sử dụng và học tiếng Trung, về tình hình học từ vựng tiếng Trung của sinh viên và tính chất của việc học từ vựng cũng như phương pháp học từ vựng sinh viên đang sử dụng. Cùng với đó, các thông tin về các phương pháp được đề xuất trong nghiên cứu sẽ được đưa vào bảng hỏi nhằm nắm được thông tin về cách sinh viên đã học từ vựng tiếng Trung.

3.4.2. Câu hỏi phỏng vấn

Câu hỏi phỏng vấn là bảng câu hỏi gồm 4 câu hỏi mở. Các câu hỏi xoay quanh phương pháp sinh viên đối phó từ vựng và học từ vựng mới. Bảng câu hỏi mở nhằm giúp cho tác giả hiểu rõ hơn bản chất việc học từ vựng tiếng

Trung của sinh viên. Từ đó sẽ rút ra những phương pháp học từ vựng hiệu quả hơn đối với sinh viên. Ngoài ra, cách sinh viên sử dụng các phương pháp sẽ được đưa vào các câu hỏi phỏng vấn.

3.5. Mô tả quá trình thu thập và xử lý dữ liệu

Sau khi hoàn thành bảng câu hỏi khảo sát, tác giả thuê người đến từng lớp để gửi và thu phiếu khảo sát. Do người thực hiện phát và thu khảo sát không phải là cán bộ tham gia nghiên cứu, nên tác giả cần thận hướng dẫn cách phát và thu phiếu khảo sát rất cụ thể và yêu cầu người phát phiếu khảo sát phải giải thích rõ mục đích của nghiên cứu nhằm giúp cho sinh viên trả lời khảo sát nắm được nội dung và mục đích khảo sát để câu trả lời của họ thật sự có giá trị.

Do thời gian và địa điểm khảo sát phụ thuộc phần lớn vào lịch học tập trung của sinh viên nên việc phát và thu phiếu khảo sát diễn ra trong thời gian tương đối dài. Để trả lời các câu hỏi khảo sát, sinh viên chỉ mất 3 đến 5 phút cho nên việc phát và thu phiếu khảo sát diễn ra rất nhanh, sinh viên không cần phải mang về nhà hay trả lại ở buổi học hôm sau. Sau khi đã có câu trả lời khảo sát, câu hỏi khảo sát được mã hóa và định nghĩa và sau đó tiến hành nhập liệu bằng chương trình máy tính SPSS phiên bản 16.0. Sau khi dữ liệu được nhập xong, việc phân tích được tiến hành sử dụng phương pháp thống kê tăng suất.

Phỏng vấn được thực hiện đồng thời với việc thực hiện thu phiếu khảo sát. Sinh viên được mời phỏng vấn và câu trả lời của họ được ghi lại trên giấy. Thông tin trả lời phỏng vấn sẽ được tổng hợp thành nhóm và sau đó sẽ được thống kê tăng suất.

Việc tổng hợp kết quả từ phiếu khảo sát và phỏng vấn là cơ sở để tác giả đánh giá và đưa ra kết luận.

4. Kết quả và thảo luận

Thông tin từ số liệu phân tích cho thấy đa số sinh viên đánh giá cao tầm quan trọng của từ vựng trong học tập và sử dụng tiếng Trung, và hầu hết sinh viên ý thức được vai trò và tầm quan trọng của từ vựng trong quá trình học tập và sử dụng ngoại ngữ này. Tuy nhiên, từ những phương pháp được đưa ra trong phương pháp đề xuất, các sinh viên hầu như đã từng hoặc đang áp dụng. Tuy nhiên vấn đề ở chỗ sinh viên chưa dành đủ thời gian cho các phần này. Đặc biệt là phần lặp lại từ vựng. Từ việc dùng hình ảnh và các mẫu giấy để học từ vựng, sinh viên chưa dành nhiều thời gian cho quá trình ôn tập.

Theo như kết quả khảo sát cho thấy đa số sinh viên ý thức về tầm quan trọng của các kỹ năng trong giao tiếp bằng tiếng Trung rất không đồng đều. Trong khi đa số sinh viên cho rằng nói và nghe là hai kỹ năng quan trọng nhất trong số 4 kỹ năng chính trong tiếng Trung. Điều này cho thấy giao tiếp đối với sinh viên là việc có thể nghe và hiểu được người khác và nói chuyện để người khác hiểu mình. Tuy nhiên giao tiếp bằng ngôn ngữ được thực hiện qua nhiều kênh thông tin không chỉ có mỗi việc nghe và nói. Cũng có thể thấy là đại đa số sinh viên đánh giá cao vai trò và tầm quan trọng của từ vựng trong việc sử dụng tiếng Trung trong giao tiếp. Học tập ngoại ngữ nói chung và học tiếng Trung nói riêng là một quá trình rèn luyện kỹ năng, yêu cầu sinh viên phải rèn luyện lâu dài. Để có kỹ năng nói giỏi, sinh viên phải thực hành nói mọi lúc mọi nơi, và sinh viên phải làm tương tự như vậy đối với ba kỹ năng ngôn ngữ còn lại là nghe, đọc và viết. Tuy nhiên, sinh viên sẽ gặp không ít khó khăn khi rèn luyện kỹ năng mà thiếu vốn từ vựng cần thiết. Không có từ vựng thì sinh viên không thể diễn đạt ý khi nói và viết, và không hiểu được được nói và người nghe khi luyện nghe và luyện đọc. Có thể nói vốn từ vựng là điều kiện tối cần thiết trong quá trình sinh viên rèn luyện để hình thành kỹ năng ngôn ngữ. Như một qui luật tất yếu, nếu sinh viên đánh giá cao vai trò của từ vựng như vậy thì dĩ nhiên là họ sẽ đầu tư nhiều thời gian và công sức vào việc cải thiện vốn từ vựng của mình nhằm đáp ứng nhu cầu sử dụng tiếng Trung hiệu quả. Thông tin về Thời gian dành cho việc tự học tiếng Trung và thời gian tự học từ vựng trong một ngày của sinh viên được khảo sát cho thấy: trong tổng số 60 phiếu trả lời câu hỏi về thời gian dành cho việc học tiếng Trung mỗi ngày có số sinh viên học tiếng Trung ít hơn một giờ/ngày chiếm tỷ lệ khá cao (69.8%), kế đến là thời gian học từ 2 – 3 giờ/ngày (27.2%), số lượng sinh viên dành nhiều hơn 4 giờ cho việc học tiếng Trung là rất hiếm, chỉ chiếm tỷ lệ 3.0%. Điều này có nghĩa rằng phần lớn sinh viên có đầu tư vào việc học ngoại ngữ, nhưng thời gian đầu tư tương đối còn khiêm tốn; có thể phải dành thời gian cho các môn học khác hoặc các hoạt động khác.

Với thời gian dành cho việc học tiếng Trung như thế, đương nhiên sẽ ảnh hưởng đến thời gian học dành cho việc học từ vựng. Từ việc thống kê kết quả khảo sát có thể thấy rằng khoảng 82% số lượng sinh viên được hỏi dành ít hơn 30 phút mỗi ngày để học từ vựng, cá biệt còn có một số không bao giờ học từ vựng (4 sinh viên tự ghi bổ sung vào phiếu trả lời khi

câu hỏi khảo sát không đưa ra lựa chọn này), hoặc ít khi hoặc thỉnh thoảng học, hoặc chỉ học khi nào cần thiết hoặc khi rảnh rỗi. Đối với số lượng còn lại (18%) thì việc học từ được chú trọng nhiều hơn, tức sinh viên là dành tương đối nhiều thời gian cho việc học từ vựng (từ 45 phút trở lên), thậm chí có người còn dành từ 60 phút (10 người) đến 90 phút (2 người) để học từ vựng. Với lượng thời gian phân bổ cho việc học từ vựng như vậy cũng có thể có những ảnh hưởng nhất định đến số lượng từ mà sinh viên học trong một ngày. Cụ thể kết quả khẳng định điều này: có đến gần 62% sinh viên học từ vựng từ 3 đến 5 từ trong một ngày trong khi đó từ 6 đến 9 từ chỉ chiếm 23% và số còn lại rất ít là học trên 10 từ/ngày.

Đại đa số sinh viên đánh giá cao vai trò và tầm quan trọng của từ vựng trong việc sử dụng tiếng Anh trong giao tiếp. Học tập ngoại ngữ nói chung và học tiếng Trung nói riêng là một quá trình rèn luyện kỹ năng, yêu cầu sinh viên phải rèn luyện lâu dài. Để có kỹ năng nói giỏi, sinh viên phải thực hành nói mọi lúc mọi nơi, và sinh viên phải làm tương tự như vậy đối với ba kỹ năng ngôn ngữ còn lại là nghe, đọc và viết.

Kết quả nghiên cứu cho thấy một điều nghịch lý giữa ý thức và hành động của sinh viên. Trong câu hỏi nghiên cứu thứ nhất thì phần lớn sinh viên đề cao vai trò của các kỹ năng và đặc biệt là của từ vựng trong việc học tập và sử dụng tiếng Anh, nhưng đầu tư ít thời gian và công sức vào việc học tiếng Anh nói chung và học từ vựng nói riêng. Việc ít học từ

vựng thường xuyên có thể lý giải tại sao điểm số trong các kỳ kiểm tra không được cao. Điều này phù hợp với kết quả nghiên cứu trước đó về vốn từ vựng và khả năng đọc hiểu của sinh viên quan hệ tỉ lệ thuận với nhau. .

5. Kết luận

Bài báo được thực hiện trên cơ sở lý luận và thực tế tình hình học tập tiếng Trung nói chung của sinh viên không chuyên tại Trường đại học Tây Bắc. Kết quả khảo sát cho thấy sinh viên hoàn toàn ý thức về tầm quan trọng của tiếng Trung nói chung và của từ vựng tiếng Trung nói riêng. Tuy nhiên giữa suy nghĩ và việc làm của sinh viên có sự mâu thuẫn tương đối lớn và điều đó cũng giải thích một cách hợp lý phần nào kết quả kiểm tra của họ. Nếu cần phải xem xét lại vai trò của từ vựng trong việc sử dụng tiếng Trung trong giao tiếp, thì từ vựng là yếu tố căn bản sinh viên cần phải trang bị. Còn việc sinh viên muốn giao tiếp tốt hay sử dụng tiếng Trung một cách hiệu quả thì họ cần phải tăng cường luyện tập và trau dồi kiến thức nói chung và từ vựng nói riêng. Vấn đề then chốt đã tìm ra trong nghiên cứu là mặc dù sinh viên ý thức được tầm quan trọng của việc học từ vựng nhưng lại chưa thực sự chủ động, dành thời gian cần thiết cho quá trình nắm bắt nó nên hiệu quả chưa cao. Từ kết quả nghiên cứu cho thấy cần có cách thức cụ thể và chặt chẽ để sinh viên nâng cao ý thức về việc dành thời gian cho việc học tiếng Trung nói chung và việc học từ vựng nói riêng

5. Ellis, N. ,1995. *Vocabulary Acquisition: Psychological Perspectives and Pedagogical Implications*. The Language Teacher 19(2), 12-16.

6. Gershman, S.J. ,1970. *Foreign Language Vocabulary Learning under Seven Conditions*. Unpublished doctoral thesis, Columbia University, New York.

7. Hulstijn, J. ,1992. *Retention of Inferred and Given Word meanings: Experiments in Incidental Vocabulary Learning*. In P. Arnaud & H. Béjoint (Eds.), *Vocabulary and Applied Linguistics* 113-125. Basingtoke: Macmillan.

8. Marcella, H. H., & Paul, N. ,2000. *Unknown Vocabulary Density and Reading*

Tài liệu tham khảo

1. Ahmed, M.O. ,1989. *Vocabulary Learning Techniques*. In P. Meara (Ed.) *Beyond Words* 3-14, London:CILT.

2. Brown, C. & Payne, M. E. ,1994. *Five Essential Steps of Processes in Vocabulary Learning*. Paper presented at the TESOL Convention, Baltimore, Md.

3. Cohen, A.D. & Aphek, E. ,1981. *Easifying Second Language Learning*. Studies in

Second Language Acquisition 3 (2), 221-236.

4. Cunningsworth, A. ,1995. *Choosing Your Coursebook*. Oxford: Heinemann.

Comprehension. Reading in a Foreign Language 13 (1), 403 – 430

9. McCarthy, M.J. ,1990. *Vocabulary*. Oxford: Oxford University Press.

10. Ming-Ju, A. H., & Hsin-Yi, L. *The Correlation between Vocabulary Knowledge*

Depth and Reading Comprehension. Master Thesis. Ming Chuan University, Taiwan.

11. Morgan, C.L. & Bailey, W.L. ,1943. *The Effects of Context on Learning a Vocabulary*. *Journal of Educational Psychology* 38, 561-565.

12. O'Malley, J., Chamot, A., Stewner-Manzares, G., Kupper, L. and Russo, R. ,1985. *Learning Strategies Used by Beginning and Intermediate ESL Student*.

Language Learning 35 (1) 21-46.

13. Oxford, R.L. & Scarcella, R.C. ,1994. *Second Language Vocabulary Learning*

among Adults: State of the art in vocabulary instruction. *System* 22(2), 231-243.

14. Sahandri et al. ,2009. *Vocabulary Learning Strategies of Iranian Undergraduate*

EFL Students and its Relation to their Vocabulary Size. *European Journal of Social Sciences* 11 (1).

15. Sannoui, R. ,1992. *Vocabulary Learning and Teaching in French as a Second Language Classrooms*. Unpublished doctoral diss., University of Toronto, Toronto, Ontario, Canada.

16. Sannoui, R. ,1995. *Adult Learners' Approach to Learning Vocabulary in Second Languages*. *Modern Language Journal* 79, 15-28.

17. Sokmen, A. ,1997. *Current Trends in Teaching Second Language Vocabulary*. In N.

18. Schmitt & M. McCarthy (eds.), *Vocabulary: Description, acquisition and pedagogy*. (237-257). Cambridge: Cambridge University Press.

19. Tudor, I. & Haf iz, F. ,1989. *Extensive Reading as a Means of Input to L2 Learning*.

Journal of Research in Reading 12(2), 164-178.

IMPROVING THE EFFICIENCY OF LEARNING CHINESE VOCABULARY FOR STUDENTS MAJORING ENGLISH PEDAGOGY AT TAY BAC UNIVERSITY

Dang Thi Xuan

Tay Bac University

Abstract: *Learning foreign languages in general or Chinese in particular is a long-term cumulative process. It requires learners to have certain vocabulary knowledge. However, the majority of students studying Chinese, especially non- Chinese majored students, learning Chinese in general and learning Chinese vocabulary in particular faces many difficulties. With the aim of improving the effectiveness of learning Chinese vocabulary, a study was conducted. Mixed research method was used to understand the data to come up with appropriate methods. The results showed that 45 out of 60 students did not have appropriate methods to improve their vocabulary. From those ineffective methods, a number of recommendations have been made with the aim to help students improve their Chinese vocabulary.*

Key words: *enhance, vocabulary, efficiency, learn, method, difficulties, learning motivation.*